

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2017
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C-TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú

2. Ông Nguyễn Văn Lợi

-Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

-Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở UBND thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai - lưu động vụ án thụ lý số 115/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2017, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị D- sinh năm 1995; cư trú tại: Khu 09, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

-Bị đơn: Anh Bùi Xuân T- sinh năm 1988; ĐKKHKT: Khu 09, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tạm trú tại: Số 240 phố T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 10/4/2017 và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Trần Thị D trình bày: Chị D kết hôn với anh Bùi Xuân T ngày 17/01/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, chị D và anh T ở riêng tại xã V. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đánh chửi và đuổi chị. Mặc dù chị D và bố mẹ đẻ của chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Từ ngày

27/7/2013 đến nay, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Xuân T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2017, bị đơn là anh Bùi Xuân T trình bày: Thời điểm kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như lời trình bày của chị Trần Thị D nêu trên. Theo anh T, mâu thuẫn vợ chồng không có và anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị Trần Thị D và anh Bùi Xuân T đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không hợp tác làm việc, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án là chấp hành pháp luật không nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 148; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Bùi Xuân T.
- Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị D và anh Bùi Xuân T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường đánh, chửi, đui chị D. Từ tháng 7/2013 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không

quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh Bùi Xuân T không đồng ý ly hôn, nhưng trong thời gian dài vợ chồng sống ly thân, anh không có biện pháp nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, nên yêu cầu của anh T không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn anh Bùi Xuân T.

2. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002615 ngày 05/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự (2b);
- UBND xã V;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ +VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng